

SỬ DỤNG CÁC CHIẾN LƯỢC ĐỌC HIỂU NHẪM NÂNG CAO KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU TRONG MÔN TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN TẠI HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Trần Thị Thu Hiền - Trần Thanh Phương
Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Ngày nhận bài: 21/01/2018; ngày sửa chữa: 01/02/2018; ngày duyệt đăng: 15/03/2018.

Abstract: From the theoretical bases of reading comprehension strategies, the paper presents the research on the effects of teaching English reading strategies to students at Vietnam National University of Agriculture in raising their awareness and reading comprehension ability. Results showed that teaching reading strategies could help to raise students' awareness of using reading strategies to understand and answer questions about texts, which contributes to their reading comprehension ability.

Keywords: Reading, reading strategies, strategy instruction.

1. Mở đầu

Trong một vài thập kỉ gần đây, quan điểm giáo dục đã chuyển từ “lấy người dạy làm trung tâm” sang “lấy người học làm trung tâm”. Điều này đồng nghĩa với việc vai trò của người học được đề cao, coi trọng tâm của việc dạy là nhằm thúc đẩy sự học tích cực của sinh viên (SV) hơn là truyền đạt thông tin.

Trên thế giới, đã có nhiều nghiên cứu về mối quan hệ giữa chiến lược đọc siêu nhận thức với kết quả đọc hiểu. Phakiti (2003) [1] lập luận rằng chiến lược đọc nhận thức có liên quan trực tiếp đến các ngôn ngữ mục tiêu, cho phép họ xây dựng nghĩa từ một văn bản và thực hiện các nhiệm vụ được giao. Anderson (1999) [2] cũng cho rằng các độc giả có khả năng đọc tốt sử dụng nhiều chiến lược đọc nhận thức hơn so với các độc giả có khả năng đọc kém. Như vậy, việc áp dụng các chiến lược đọc hiểu đã được chứng minh là mang lại kết quả tích cực trong việc nâng cao kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh.

Tuy nhiên, trong bối cảnh số người học tiếng Anh ở Việt Nam ngày càng tăng, các nghiên cứu về các chiến lược học nói chung, và các chiến lược đọc hiểu nói riêng vẫn còn hạn chế. Đặc biệt, trong phạm vi dạy và học tiếng Anh tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam, chưa có nghiên cứu nào cung cấp các số liệu mang tính khoa học minh chứng tác động của việc sử dụng các chiến lược đọc hiểu đối với kỹ năng đọc của SV. Bài viết này tập trung nghiên cứu ảnh hưởng của việc áp dụng các chiến lược đọc đối với kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh của SV năm thứ nhất lớp tiên tiến, chất lượng cao tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam nhằm xác định hiệu quả thực tế của việc dạy các chiến lược đọc đối với nhận thức về các chiến lược và lên khả năng đọc hiểu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Về khái niệm “đọc” và các chiến lược đọc

Các học giả khác nhau hiểu thuật ngữ “đọc” theo những cách khác nhau. Khái niệm “đọc” đã được sử dụng trong nhiều năm qua theo một nghĩa hẹp để chỉ một tập hợp các kỹ năng tư duy và giải mã cần thiết để hiểu văn bản (Harris & Hodges, 1981) [3]. Theo Harmer (1989) [4], “Đọc là một hoạt động được chi phối bởi con mắt và bộ não. Đôi mắt nhận các thông điệp và bộ não sau đó đã giải mã ra ý nghĩa của những thông điệp này”. Định nghĩa được đưa ra bởi Anderson (1999) [2] cũng có một số điểm chung, trong đó nói rằng “đọc là một quá trình chủ động, thành thạo liên quan đến người đọc và tài liệu đọc trong việc xây dựng ý nghĩa”. Ba quan điểm này đều thể hiện rằng đọc là một quá trình *nhận thức để tìm ra ý nghĩa từ một văn bản*.

Rumelhart (1977) cho rằng đọc bao gồm ba yếu tố: *người đọc, văn bản và sự tương tác* giữa người đọc và văn bản [5]. Aebersold và Field (1997) chia sẻ quan điểm tương tự về đọc khi nêu rõ “đọc là những gì sẽ xảy ra khi người đọc nhìn vào một văn bản và gán ý nghĩa cho những biểu tượng trong văn bản đó [6]. Các văn bản và người đọc là hai thực thể vật chất cần thiết cho quá trình đọc diễn ra. Tuy nhiên, chính sự tương tác giữa văn bản và người đọc mới cấu thành nên ý nghĩa thực sự”. Định nghĩa này khác với định nghĩa của Rumelhart [5] ở chỗ nó nhấn mạnh sự tương tác giữa người đọc và văn bản đọc để giải mã ý nghĩa của văn bản.

Nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã được thực hiện để xác định chiến lược đọc theo những cách khác nhau. Brantmeior định nghĩa các chiến lược đọc là “các quá

trình tri nhận mà người đọc sử dụng để hiểu điều học đọc” [9; tr 1]. Các quá trình này có thể liên quan đến việc đọc lướt lấy ý chính, đọc lướt tìm ý chi tiết, phán đoán, nhận dạng các nhóm từ cùng gốc, dự đoán, vận dụng kiến thức hiểu biết chung, suy luận, tham chiếu và phân biệt các ý chính với các ý bổ trợ. Theo định nghĩa của O’Malley và Chamot (1990), các chiến lược đọc có thể được hiểu là “những suy nghĩ hoặc hành vi đặc biệt mà các cá nhân sử dụng để giúp họ hiểu, học và lưu giữ thông tin mới từ văn bản đọc” [8]. Vì thế, những chiến lược này vừa quan sát được vừa không quan sát được và khác nhau ở mỗi người.

Cho đến nay đã có nhiều cách phân loại các chiến lược đọc. Rubin (1981) đã xác định hai nhóm chiến lược là gián tiếp và trực tiếp. Nhóm chiến lược trực tiếp gồm sáu chiến lược là *phân loại / xác minh, giám sát, ghi nhớ,*

phán đoán/ suy luận quy nạp, lập luận diễn dịch và thực hành). Còn hai chiến lược *tạo cơ hội thực hành và thủ thuật trình bày* thuộc nhóm chiến lược gián tiếp. Tuy nhiên, hạn chế của cách phân loại này không bao gồm các chiến lược xã hội và tình cảm. Xây dựng dựa trên phân loại của Rubin, Oxford (1990) rút ra một sự khác biệt giữa các chiến lược trực tiếp và gián tiếp. Các chiến lược trực tiếp bao gồm *ghi nhớ, nhận thức và bù trừ* trong khi các chiến lược gián tiếp bao gồm *siêu nhận thức, tình cảm và xã hội* [9]. Tuy nhiên, sự phân chia các chiến lược đọc của Oxford là tương đối khó hiểu khi tách chiến lược nhận thức khỏi các chiến lược ghi nhớ.

Với quan điểm của O’Malley và Chamot (1990) [8], các chiến lược đọc có thể được phân loại thành 3 nhóm chính, bao gồm: các chiến lược siêu nhận thức, các chiến lược nhận thức và các chiến lược tình cảm/ xã hội (*bảng 1*).

Bảng 1. Khung chiến lược đọc hiểu được chỉnh sửa từ O’Malley và Chamot (1990)

| Nhóm chiến lược | Chiến lược | Định nghĩa |
|-----------------|-------------------------------------|--|
| Siêu nhận thức | Tổ chức trước | Xem trước các ý chính và các khái niệm của văn bản, thông thường bằng các đọc lướt văn bản để nắm được nguyên tắc tổ chức. |
| | Chú ý có định hướng | Xác định trước xem nên chú ý chung vào một nhiệm vụ và bỏ qua các yếu tố không liên quan. |
| | Chú ý có chọn lọc | Xác định trước xem nên chú ý các khía cạnh chi tiết nào, thường bằng cách đọc lướt để tìm các từ chìa khóa, các khái niệm hay các dấu hiệu ngôn ngữ. |
| | Tự giám sát | Kiểm tra sự hiểu trong quá trình đang đọc. |
| | Tự đánh giá | Kiểm tra kết quả sau khi hoàn thành |
| Nhận thức | Sử dụng nguồn tham khảo | Dùng các nguồn tham khảo về ngôn ngữ chẳng hạn như từ điển, bách khoa toàn thư hoặc sách giáo khoa. |
| | Phân nhóm đơn vị ngôn ngữ | Phân loại từ, thuật ngữ hay khái niệm dựa trên đặc điểm thuộc tính hoặc nghĩa của chúng. |
| | Suy luận | Vận dụng các quy tắc để hiểu văn bản hoặc xây dựng quy tắc dựa trên sự phân tích ngôn ngữ |
| | Tương tượng | Sử dụng các công cụ trực quan để hiểu hoặc ghi nhớ thông tin mới. |
| | Xây dựng mối liên hệ thông tin | Liên hệ thông tin mới với kiến thức trước đây, liên hệ các phần khác nhau của thông tin mới với nhau. |
| | Vận dụng kiến thức ngôn ngữ đã biết | Sử dụng kiến thức ngôn ngữ hoặc các kỹ năng đã có trước đây để trợ giúp việc hiểu văn bản. |
| | Suy đoán | Sử dụng thông tin sẵn có để đoán nghĩa của các từ/ cụm từ mới, dự đoán kết quả hoặc điền thông tin còn thiếu. |
| | Ghi chép | Viết lại các từ chìa khóa hoặc các khái niệm dưới dạng ngôn ngữ nói viết tắt, đồ họa hoặc dạng số trong khi đọc. |
| | Tóm tắt | Thực hiện tóm tắt thông tin mới dưới dạng viết, nói hoặc tóm tắt thầm bằng các kỹ năng ngôn ngữ. |
| | Dịch | Dùng ngôn ngữ mẹ đẻ làm cơ sở để hiểu ngoại ngữ. |

Các chiến lược siêu nhận thức liên quan đến việc suy nghĩ về quá trình học, thiết kế thông tin, giám sát nhiệm vụ học và đánh giá kết quả, giúp người đọc nhận thức sáng suốt những gì họ học, cách họ học và cách họ có thể dùng kiến thức mới vào những tình huống khác nhau. Các chiến lược nhận thức liên quan đến việc tương tác với tài liệu học, thao tác trên tài liệu, hoặc vận dụng các kỹ thuật cụ thể để giải quyết một nhiệm vụ học, giúp người đọc xây dựng nghĩa từ văn bản. Các chiến lược tình cảm xã hội liên quan đến việc tương tác với người khác hoặc kiểm soát tình cảm. Cho đến nay, cách phân chia các chiến lược đọc này đầy đủ và rõ ràng nhất. Tuy nhiên, để đảm bảo tính khả thi cao, nghiên cứu này sẽ chỉ tập trung vào đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các chiến lược đọc hiểu siêu nhận thức của SV năm thứ nhất hệ tiên tiến - chất lượng cao tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

2.1.2. Các kết quả nghiên cứu về hiệu quả của việc dạy các chiến lược đọc

Những người học gặp khó khăn khi đọc là những người có những chiến lược không hiệu quả và sử dụng chúng không linh hoạt. Các nhà nghiên cứu tin rằng các chiến lược học có thể được dạy cho những người học ngôn ngữ không hiệu quả để họ có thể trở nên thành công hơn trong việc học ngôn ngữ. Rubin (1981) cho rằng các chiến lược đọc không phải là của riêng một cá nhân nào, mà có thể được học bởi những người khác.

Trong các ngữ cảnh ngôn ngữ mẹ đẻ và ngoại ngữ, nhiều nghiên cứu đã tập trung vào việc dạy các chiến lược đọc và các tác động của việc dạy này lên việc đọc của người học. Trong một nghiên cứu tiên phong, Palincsar và Brown (1984) đã phân tích các tác động của việc giúp người học nhỏ tuổi học tiếng mẹ đẻ bằng cách dạy họ kiểm soát khả năng đọc của mình [10]. Họ gọi kiểu dạy này là “dạy đối ứng”; theo đó, giáo viên làm mẫu 4 chiến lược: làm rõ, xác định ý chính của một phần của văn bản, tóm tắt và dự đoán. Sau đó, học sinh được chia thành các nhóm, trong đó có những học sinh được phân công đóng vai trò là giáo viên, làm mẫu cách dùng của bốn chiến lược này. Các kết quả của nghiên cứu này cho thấy rằng nhóm thực nghiệm đạt điểm cao hơn nhóm đối chứng trong bài kiểm tra đọc.

Carrell, Pharis và Liberto (1989) đã tiến hành một nghiên cứu để xem xét các tác động kết hợp của việc dạy các chiến lược đọc nhận thức và siêu nhận thức [11]. Để “kích hoạt” vốn kiến thức nền của SV, SV được dạy hai chiến lược là bản đồ ngữ nghĩa và mối quan hệ kinh nghiệm - văn bản. Thêm vào đó, mỗi nhóm được dạy cách điều chỉnh và có nhận thức về hai chiến lược này. Các kết quả chỉ ra rằng việc dạy các chiến lược đọc nhận

thức và siêu nhận thức có hiệu quả trong việc nâng cao khả năng đọc hiểu không kể mức độ thành thạo của SV.

Cubukcu (2008) đã nghiên cứu hiệu quả của việc dạy chiến lược đọc siêu nhận thức cho SV [12]. Trong nghiên cứu này, một mẫu gồm 130 SV đại học được chia thành nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Nhóm thực nghiệm được hướng dẫn cụ thể rõ ràng về chiến lược, trong khi nhóm đối chứng thì không nhận được hướng dẫn gì cả. Kết quả cho thấy một sự khác biệt trong mức độ hiểu giữa hai nhóm và cụ thể là nhóm thực nghiệm đạt kết quả cao hơn. Trong một nghiên cứu cũng về tác động của việc dạy SV chiến lược đọc siêu nhận thức trên đối tượng ba nhóm SV Thái Lan có trình độ đọc ở mức cao, trung bình và kém, với công cụ nghiên cứu là phiếu điều tra, phỏng vấn và bài kiểm tra trước và sau khi hướng dẫn về chiến lược đọc, Wichadee (2011) đã chỉ ra rằng cả ba nhóm này đều đạt kết quả cao hơn ở bài kiểm tra sau so với bài kiểm tra trước. Các kết quả của hai nghiên cứu này thể hiện rằng, việc dạy các chiến lược đọc siêu nhận thức cụ thể có tác động lớn đến việc hiểu của SV cho dù trình độ của họ như thế nào [13].

Như vậy, việc dạy các chiến lược đọc rõ ràng là giúp người đọc vượt qua những khó khăn khi tìm hiểu văn bản, do đó nâng cao khả năng hiểu của họ ở cả ngôn ngữ mẹ đẻ lẫn ngoại ngữ. Vì vậy, giảng dạy cho SV những chiến lược học nói chung và chiến lược đọc nói riêng là một nhiệm vụ quan trọng của giáo viên dạy tiếng Anh bởi vì chiến lược học có thể giúp học sinh giám sát và chịu trách nhiệm cho việc học của mình.

2.1.3. Mô hình dạy chiến lược học Cognitive Academic Language Learning Approach (CALLA) của O'Malley và Chamot

Mô hình CALLA được thiết kế để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ học thuật của SV với trình độ tiếng Anh hạn chế [8]. Kể từ khi lần đầu tiên cách tiếp cận này được đề xuất vào năm 1986, Chamot và O'Malley đã liên tục làm việc trên mô hình này, mở rộng và hoàn thiện nó. Mô hình này tích hợp việc phát triển ngôn ngữ học thuật, hướng dẫn về nội dung và hướng dẫn rõ ràng về các chiến lược học, bao gồm 6 bước, cụ thể là:

- *Chuẩn bị.* Giáo viên xác định các chiến lược học tập hiện tại của học sinh cho các nhiệm vụ quen thuộc, như nhớ lại kiến thức của họ, xem trước các từ vựng và các khái niệm chia khoá được giới thiệu bài học;

- *Trình bày.* Giáo viên gọi tên, giải thích và làm mẫu về chiến lược mới; yêu cầu học sinh trả lời xem họ đã sử dụng chiến lược đó trước đây hay chưa và đã sử dụng như thế nào;

- *Thực hành.* Học sinh thực hành chiến lược mới;

- *Tự đánh giá.* Học sinh đánh giá việc sử dụng chiến lược của riêng mình ngay sau khi thực hành, xác định

hiệu quả của việc học của mình bằng cách tổng kết hoặc đưa ra một bài nói về bản thân;

- *Mở rộng*. Học sinh chuyển giao việc sử dụng các chiến lược sang các nhiệm vụ mới, kết hợp các chiến lược thành các nhóm và tích hợp chúng vào các khung kiến thức hiện có của họ.

thiết kế theo định hướng khung châu Âu phù hợp với 2 nhóm trình độ thấp và trình độ cao. Hai bài kiểm tra sẽ được tiến hành ở tất cả các nhóm nghiên cứu vào tuần cuối của học kì 2 để đánh giá khả năng đọc hiểu của SV.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Về tần suất sử dụng các chiến lược đọc hiểu siêu nhận thức

Bảng 2. Giá trị trung bình về tần suất sử dụng các chiến lược đọc hiểu siêu nhận thức của hai cặp nhóm thực nghiệm và đối chứng

| | Trình độ cao | | | Trình độ thấp | | |
|---------|--------------|-----------|---------|---------------|-----------|---------|
| | Thực nghiệm | Đối chứng | t-value | Thực nghiệm | Đối chứng | t-value |
| Đầu kì | 3,51 | 3,46 | 0,683 | 2,72 | 2,83 | 0,372 |
| Cuối kì | 4,45 | 3,84 | 0,000 | 3,79 | 3,07 | 0,000 |

- *Giáo viên đánh giá* việc sử dụng các chiến lược đọc của người học và tác động của việc sử dụng đó lên kết quả học.

Mô hình này hữu ích cho người học ngôn ngữ ở các cấp độ khác nhau và đã được coi như một hướng dẫn để thực hiện việc dạy chiến lược, và chắc chắn nó đã được áp dụng trong chương trình của nhiều lớp học ngoại ngữ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. *Phương pháp thực nghiệm* với đối tượng là toàn bộ SV năm thứ nhất hệ tiên tiến - chất lượng cao khoá 61 của Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Số SV này được phân làm 2 nhóm dựa vào điểm số của bài thi đọc hiểu trong kì thi do Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế của Học viện tổ chức: nhóm 1 (nhóm trình độ cao) gồm 84 SV đạt điểm số từ 50 trở lên; nhóm 2 (nhóm trình độ thấp) gồm 86 SV có điểm số dưới 50. Mỗi nhóm này lại được phân chia làm 2 nhóm nhỏ có trình độ tương đương nhau (nhóm *thực nghiệm* và nhóm *đối chứng*). Hai nhóm thực nghiệm (thuộc 2 trình độ) sẽ được tham gia vào chương trình dạy kĩ năng đọc hiểu như hai nhóm đối chứng (tương ứng về trình độ) nhưng khác ở chỗ là có kèm theo việc dạy cụ thể các kĩ năng đọc hiểu siêu nhận thức. Việc dạy các kĩ năng đọc hiểu siêu nhận thức này diễn ra trong 10 tuần của học kì 2, năm học 2016-2017.

2.2.2. *Phương pháp định lượng* với hai công cụ nghiên cứu là phiếu điều tra và bài kiểm tra đọc hiểu. - *Phiếu điều tra* về tần suất sử dụng các chiến lược đọc hiểu siêu nhận thức sẽ được thiết kế chung cho tất cả các đối tượng tham gia. Phiếu này đưa ra các phát biểu mô tả việc thực hiện các chiến lược đọc hiểu siêu nhận thức được trình bày trong bảng các chiến lược đọc hiểu phát triển bởi O'Malley và Chamot (1990) [8]. Để hỏi các SV về tần suất sử dụng các chiến lược đọc hiểu, một thang Likert được đưa ra với 5 mức độ để các SV lựa chọn. Phiếu điều tra sẽ được phát cho toàn bộ các SV hệ tiên tiến - chất lượng cao vào tuần đầu tiên và tuần cuối cùng của học kì 2, năm học 2016-2017; - *Bài kiểm tra đọc hiểu* được

Bảng 2 cho thấy giá trị trung bình của tần suất sử dụng các chiến lược đọc hiểu siêu nhận thức ở nhóm thực nghiệm trình độ cao và nhóm đối chứng trình độ cao tương ứng là 3,51 và 3,46 tại thời điểm đầu học kì. Sau 10 tuần học, con số này ở hai nhóm tăng lên tương ứng là 4,45 và 3,84; theo đó, sự thay đổi về giá trị trung bình của nhóm thực nghiệm 1 là 0,94 và của nhóm đối chứng 1 là 0,38. Như vậy, có thể thấy rằng, sau một học kì tham gia vào chương trình dạy kĩ năng đọc, tần suất sử dụng các chiến lược đọc hiểu siêu nhận thức của cả hai nhóm này đều tăng lên. Tuy nhiên, mức độ tăng lên của nhóm thực nghiệm trình độ cao là cao hơn rõ rệt so với mức độ tăng lên của nhóm đối chứng trình độ cao.

Ngoài ra, *bảng 2* còn cho thấy một chiều hướng tương tự trong sự thay đổi tần suất sử dụng các chiến lược đọc hiểu siêu nhận thức của hai nhóm trình độ thấp. Tức là, cả hai nhóm này đều có tần suất sử dụng các chiến lược đọc hiểu siêu nhận thức cuối kì cao hơn so với đầu kì, nhưng nhóm thực nghiệm có sự thay đổi nhiều hơn so với nhóm đối chứng. Mặc dù, ở đầu kì, con số cho nhóm thực nghiệm là 2,72, thấp hơn con số của nhóm đối chứng là 2,83 nhưng sau 10 tuần học, con số cho nhóm thực nghiệm đã vượt lên ở mức 3,79 trong khi của nhóm đối chứng chỉ là 3,07.

Để tìm hiểu xem những sự khác biệt trên trong giá trị trung bình của hai cặp nhóm thực nghiệm và đối chứng có ý nghĩa về mặt thống kê hay không, kiểm định t-test đã được thực hiện giữa hai cặp nhóm ở thời điểm đầu kì và cuối kì. *Bảng 2* cho thấy, hai giá trị t-value khi so sánh giữa hai cặp nhóm ở thời điểm đầu kì đều lớn hơn 0,05 (0,683 và 0,372). Tức là sự khác biệt về tần suất sử dụng các chiến lược đọc hiểu siêu nhận thức giữa nhóm thực nghiệm và nhóm thực chứng ở mỗi trình độ là không có ý nghĩa. Tuy nhiên, tại thời điểm cuối kì, t-value của hai

cấp nhóm lại đều nhỏ hơn 0,05 (0,000 và 0,000). Điều này thể hiện rằng những sự khác biệt trên là có ý nghĩa. Từ đó, có thể kết luận: việc dạy các chiến lược đọc hiểu siêu nhận thức mang lại hiệu quả trong việc nâng cao nhận thức cho SV về việc sử dụng các chiến lược này.

- Về phía SV, cần tích cực áp dụng các chiến lược đọc trong quá trình học tiếng Anh trên lớp theo hướng dẫn của giảng viên, và ngay cả khi không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đồng thời, có thể tìm hiểu và áp dụng nhiều chiến lược đọc khác nhằm hoàn thiện kỹ năng đọc cho bản thân.

Bảng 3. Giá trị trung bình về điểm kiểm tra đọc hiểu cuối kì của hai cặp nhóm thực nghiệm và đối chứng

| | Trình độ cao | | | Trình độ thấp | | |
|------|--------------|-----------|---------|---------------|-----------|---------|
| | Thực nghiệm | Đối chứng | t-value | Thực nghiệm | Đối chứng | t-value |
| Mean | 8,54 | 7,31 | 0,000 | 7,89 | 6,96 | 0,000 |

2.3.2. Về kết quả bài kiểm tra đọc hiểu

Bảng 3 cho thấy, có những khoảng cách rõ rệt về điểm kiểm tra đọc hiểu cuối kì giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở cả hai trình độ cao và trình độ thấp; cụ thể, điểm của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trình độ cao tương ứng là 7,31 và 8,54, chênh nhau 1,23. Hai con số đó của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trình độ thấp là 6,96 và 7,89, chênh nhau 0,93. Hơn nữa, kiểm định sự khác biệt về điểm kiểm tra trung bình cuối kì giữa hai cặp nhóm đều cho giá trị t-value nhỏ hơn 0,05, chứng tỏ sự khác biệt về điểm số trên là có ý nghĩa thống kê. Như vậy, có thể kết luận: việc dạy cách sử dụng các chiến lược đọc hiểu siêu nhận thức đã có tác động tích cực lên khả năng đọc hiểu của SV.

3. Kết luận

Với kết quả là tần suất sử dụng các chiến lược đọc tăng lên so với ban đầu, việc dạy các chiến lược đọc giúp SV nâng cao nhận thức về việc áp dụng các chiến lược đọc vào việc tìm hiểu và trả lời câu hỏi về văn bản. Kết quả bài kiểm tra đọc hiểu ở hai nhóm SV thực nghiệm cao hơn kết quả ở hai nhóm SV đối chứng đã chứng tỏ việc áp dụng các chiến lược đọc góp phần phát triển khả năng đọc hiểu của SV, giúp người đọc vượt qua những khó khăn khi tìm hiểu văn bản, do đó nâng cao khả năng hiểu văn bản ngoại ngữ của họ. Thông qua đó, giảng viên còn giúp họ trở thành những người học tự chủ, có khả năng giải thích, tích hợp, phê phán, suy luận, phân tích, kết nối và đánh giá ý tưởng trong các văn bản, nhờ đó, kỹ năng đọc hiểu của họ sẽ ngày càng phát triển.

Từ kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi bước đầu đề xuất một số biện pháp nhằm hỗ trợ SV học kỹ năng đọc hiểu quả hơn:

-Về phía giảng viên, cần gợi ý cho SV sử dụng các chiến lược đọc trong quá trình học tập để nâng cao kỹ năng đọc bằng cách giới thiệu, dạy cho SV các chiến lược đó; hướng dẫn, đào tạo SV tự áp dụng các chiến lược đọc trong và ngay cả khi kết thúc các học phần tiếng Anh, từ đó SV có thể tự ôn luyện và trau dồi khả năng đọc hiểu của mình, phục vụ các học phần tiếng Anh tiếp sau hoặc sử dụng trong giao tiếp.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phakiti, A. (2003). *A closer look at gender and strategy use in L2 reading*. *Language Learning*, Vol. 53, pp. 649-702.
- [2] Anderson, N.J. (1999). *Exploring Second Language Reading: Issues and Strategies*. Heinle & Heinle, Boston.
- [3] Harris, T. - Hodges, R. (Eds.) (1981). *A dictionary of reading and related terms*. Newark DE: International Reading Association.
- [4] Harmer, J. (1989). *The practical language teaching*. Pergamon Press, Essex.
- [5] Rumelhart, D.E. (1977). *Toward an Interactive Model of Reading*. In S. Dornic (Ed.), *Attention and performance VI*, Vol 6, pp. 573-603. Hillsdale, NJ: Erlbaum.
- [6] Aebersold, J.A. - Field, M.L. (1997). *From Reader to Reading Teacher: Issues and Strategies for Second Language Classrooms*. Cambridge University Press.
- [7] Brantmeior, C. (2002). *Second Language Reading Strategy Research at the Secondary and University Levels: Variations, Disparities and Generalizability*. *The Reading Matrix*, Vol 3, pp. 1-14.
- [8] O'Malley, J.M. - Chamot, A.U. (1990). *Learning Strategies in Second Language Acquisition*. Cambridge University Press, Cambridge.
- [9] Oxford, R. (1990). *Language Learning Strategies: What Every Teacher Should Know*. Rowley, Mass: Newbury House, 284-297.
- [10] Palincsar, A. S. - Brown, A. L. (1984). *Reciprocal teaching of comprehension-fostering and comprehension-monitoring activities*. *Cognition and Instruction*, Vol 2, 117-175.
- [11] Carrell, P.- Pharis, B. - Liberto, J. (1989). *Metacognitive strategy training for ESL reading*. *TESOL Quarterly*, Vol. 23(4), pp. 647-678.
- [12] Cubukcu, F. (2008). *Enhancing vocabulary development and reading comprehension through metacognitive strategies*. *Issues in Educational Research*, 18(1).
- [13] Wichadee, S. (2011). *The Effects Of Metacognitive Strategy Instruction On EFL Thai Students' Reading Comprehension Ability*. *Journal of College Teaching and Learning*, Vol. 8 (5), pp. 10-31.